

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Kim Thị Ngọc Thu
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Văn Thiêm
2. Vương Hoàng Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Sơn Thị Hồng Nhân, thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị N. T. N, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: khóm x, phường n, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:*** Anh H. T. P, sinh năm 1993 (vắng);

Địa chỉ: Ấp O, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng, chị N. T. N là nguyên đơn trình bày: chị với anh H. T. P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống không hợp nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau ngày càng nghiêm trọng, không thể hòa hợp được. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P

Về con chung: có 01 người con chung là cháu H. G. B, sinh ngày 13/8/2014. Hiện đang sống với chị, nếu ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định;

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về hình thức: Chị N. T. N với anh H. T. P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị N có đơn ly hôn với anh P. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N. T. N và anh H. T. P do tìm hiểu, quen biết trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai bên không hợp nhau, thường cự cãi, không thể cải thiện được tình cảm giữa hai bên, hơn nữa anh P không quan tâm lo cuộc sống gia đình. Đến năm 2016 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai người ly thân đến nay gần hai năm. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

Đối với anh H. T. P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập xét xử nhiều lần nhưng anh P đều cố tình vắng mặt, thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N. T. N được ly hôn với anh H. T. P theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị N. T. N yêu cầu được nuôi con chung là cháu H. G. B, sinh ngày 13/8/2014, chị N không yêu cầu anh H. T. P cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của chị N là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N. T. N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, 54, 56, 57 và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. T. N.

Về hôn nhân: Chị N. T. N được ly hôn với anh H. T. P.

Về con chung: Chị N. T. N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là H. G. B, sinh ngày 12/8/2014 anh H. T. P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H. T. P được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc chị N. T. N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0013712, ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên chị N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú để xin Tòa án tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành.;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Ngọc Thu

